ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Số: 29/QĐ-ĐHKTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 5 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy tập trung dài hạn
Học kỳ 2 năm học 2015 – 2016

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 31/CP ngày 4/4/1994 của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2014/TTLT-BGD ĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ lao động-Thương binh và Xã hội;

Căn cứ vào kết luận của Hội đồng xét miễn giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy dài hạn học kỳ 2 năm học 2015 – 2016;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV và Trưởng phòng HC-TC ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ đại học chính quy thuộc đối tượng chính sách học kỳ 2 năm học 2015-2016 trong đó:

1. Đối tượng được miễn học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 365 SV (có danh sách kèm theo)
   - Sinh viên khối ngành kinh tế: 21 SV (có danh sách kèm theo)
2. Đối tượng được giảm 70% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 26 SV (có danh sách kèm theo)
3. Đối tượng được giảm 50% học phí:
   - Sinh viên khối ngành kỹ thuật: 38 SV (có danh sách kèm theo)
   - Sinh viên khối ngành kinh tế: 04 SV (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính, các đơn vị có liên quan và những SV thuộc đối tượng ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Lưu: VT, CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

PGS.TS. Trần Xuân Minh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2015 - 2016

(Kèm theo QĐ số: 29/QĐ -ĐHKTCN ngày 5 tháng 4 năm 2016)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Khoa
1	DTK1151020208	Tạ Hồng	Thái	K47HTĐ.01	CBB-13	Điện
2	DTK1151020047	Hứa Đức	Tùng	K47HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
3	DTK1151020468	Trịnh Quang	Việt	K47HTĐ.01	CTB-08	Điện
4	DTK1151020037	Mai Đức	Nhâm	K47TĐH.01	CBB-12	Điện
5	DTK1151020050	Nguyễn Chí	Trung	K47TĐH.01	CBB-13	Điện
6	DTK1151020129	Hoàng Thị Thu	Hương	K47TĐH.01	CNHH	Điện
7	DTK1151020213	Hoàng Văn	Thiết	K47TĐH.03	CBB-13	Điện
8	DTK1151020089	Lục Thị	Mai	K47TĐH.03	CNGHEODT	Điện
9	DTK1151020206	Lương Văn	Tài	K47TĐH.03	CNGHEODT	Điện
10	DTK1151020078	Lê Võ	Hoàn	K47TĐH.03	CNHH	Điện
11	DTK1151020166	Nguyễn Anh	Tuấn	K47TBĐ.01	CNGHEODT	Điện
12	DTK1151020134	Lưu Sỹ	Huấn	K47TBĐ.01	CTB-08	Điện
13	K125520201309	Nguyễn Văn	Thành	K48HTĐ.01	CBB-13	Điện
14	K125520201033	Ngô Văn	Mạnh	K48HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
15	K125520201024	Đinh Quang	Huy	K48HTĐ.01	CTB-10	Điện
16	K125520201117	Nguyễn Kim	Thắng	K48KTĐ.01	CBB-12	Điện
17	K125520201045	Thào A	Su	K48KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
18	K125520201082	Linh Thị	Chinh	K48KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
19	K125520201087	Nguyễn Văn	Hào	K48KTĐ.01	CTB-08	Điện
20	K125520201040	Phổng Chàn	Phin	K48KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
21	K125520214004	Ma Anh	Quý	K48KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
22	K125520201200	Hoàng Văn	Nam	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
23	K125520216100	Mai Hồng	Phương	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
24	K125520216115	Lê Xuân	Bình	K48TĐH.01	CNGHEODT	Điện
25	K125520216212	Hoàng Đăng	Vượng	K48TĐH.02	CBB-13	Điện
26	K125520216233	Nguyễn Đức	Hiếu	K48TĐH.02	CBB-13	Điện
27	K125520216090	Nguyễn Văn	Đức	K48TĐH.02	CNGHEODT	Điện
28	K125520216219	Liếu Văn	Bảo	K48TĐH.02	CNGHEODT	Điện
29	K125520216200	Nguyễn Bá	Thêm	K48TĐH.02	CTB-08	Điện
30	K125520216199	Triệu Đình	Thắng	K48TĐH.02	HNGHEODT	Điện
31	K125520216098	Trịnh Thị Kim	Thúy	K48TĐH.03	CBB-13	Điện
32	K125520216024	Nguyễn Hữu	Hưng	K48TĐH.03	CNHH	Điện
33	K125520201012	Hoàng Văn	Cạnh	K48TBĐ.01	HNGHEODT	Điện

34	K125520201263	Lường Văn	Huy	K48TBĐ.01	HNGHEODT	Điện
35	K135520201163	Đặng Thanh	Ngọc	K49HTĐ.01	CBB-13	Điện
36	K135520201264	Nguyễn Hồng	Dương	K49HTĐ.01	CBB-13	Điện
37	K135520201022	Nguyễn Duy	Đức	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
38	K135520201087	Diệp Văn	Hùng	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
39	K135520201094	Lư Huy	Hoàng	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
40	K135520201295	Triệu A	Pù	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
41	K125520207117	Nguyễn Khắc	Tùng	K49HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
42	K135520201118	Thào A	Tủa	K49HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
43	K135520201199	Thào A	Cở	K49HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
44	K125580205061	Hà Thị	Thảo	K49HTĐ.01	MOCOI	Điện
45	K135520201147	Ma Văn	Hợi	K49HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
46	K125520201023	Dương Văn	Hoàng	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
47	K135520201004	Hoàng Văn	Cương	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
48	K135520201058	Lý Mạnh	Tiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
49	K135520201074	Hoàng Anh	Chiến	K49KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
50	K135520201060	Hồ Thị	Trang	K49KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
51	K135520201064	Hoàng Thanh	Vinh	K49KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
52	K135520201091	Hoàng Mạnh	Hưng	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
53	K135520201167	Hoàng Văn	Quân	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
54	K135520201180	Đỗ Thị	Thanh	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
55	K135520201189	Đào Minh	Tuấn	K49KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
56	K135520201173	Chu Văn	Sơn	K49KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
57	K135520216006	Hoàng ánh	Dương	K49TĐH.01	CNGHEODT	Điện
58	K135520216022	Đàm Thành	Hoàng	K49TĐH.01	CNGHEODT	Điện
59	K135520216032	Lục Thị	Lanh	K49TĐH.01	HNGHEODT	Điện
60	K135520216037	Hoàng Văn	Nhị	K49TĐH.01	CNGHEODT	Điện
61	K135520216336	Uông Văn	Mạnh	K49TĐH.01	CTB-08	Điện
62	K135520216077	Ngô Văn	Hiếu	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
63	K135520216095	Lý Văn	Ngân	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
64	K135520216114	Nguyễn Xuân	Tuân	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
65	K135520216119	Trần Thị	Tuyên	K49TĐH.02	CNGHEODT	Điện
66	K135520216086	Lộc Thị Mỹ	Linh	K49TĐH.02	HNGHEODT	Điện
67	K135520216155	Trương Văn	Lập	K49TĐH.03	CBB-12	Điện
68	K135520216127	Phùng Minh	Cường	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
69	K135520216156	Nguyễn Văn	Mạnh	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
70	K135520216171	La Thị	Thủy	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
71	K135520216175	Lưu Đình	Tuất	K49TĐH.03	CNGHEODT	Điện
72	K135520216141	Dương Thanh	Hải	K49TĐH.03	CTB-08	Điện

73	K135520216159	Hoàng Văn	Nghĩa	K49TĐH.03	HNGHEODT	Điện
74	K135520216262	Trần Công	Thành	K49TĐH.04	CBB-13	Điện
75	K145520201233	Lý Thị	Thái	K50HTĐ.01	CNGHEODT	Điện
76	K145520201182	Vũ Văn	Giang	K50HTĐ.01	HNGHEODT	Điện
77	K145520201006	Lý Trung	Đức	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
78	K145520201019	Ngô Thị Linh	Hương	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
79	K145520201071	Lý Tiến	Thành	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
80	K145520201246	Quách Ngọc	Giáp	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
81	K145520201248	Vũ Mạnh	Hùng	K50KTĐ.01	CNGHEODT	Điện
82	K145520201011	Lý Văn	Cương	K50KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
83	K145520201031	Trần Thị Khánh	Hòa	K50KTĐ.01	HNGHEODT	Điện
84	K145520201163	Lăng Quang	Vũ	K50KTĐ.02	CNGHEODT	Điện
85	K145520201115	Phùng Văn	Huynh	K50KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
86	K145520201132	Ngụy Văn	Phương	K50KTĐ.02	HNGHEODT	Điện
87	K145520216011	Lê Văn	Chung	K50TĐH.01	CNGHEODT	Điện
88	K145520216121	Nguyễn Văn	Tuân	K50TĐH.02	CNGHEODT	Điện
89	K145520216130	Tàng Văn	Thịnh	K50TĐH.02	HNGHEODT	Điện
90	K145520216250	Đặng Văn	Nam	K50TĐH.03	CBB-13	Điện
91	K145520103262	Lý Hồng	Loan	K50TĐH.03	CNGHEODT	Điện
92	K145520216171	Đàm Hoàng	Nam	K50TĐH.03	CNGHEODT	Điện
93	K135520201044	Nguyễn Xuân	Nguyên	K51ĐĐT.01	CTB-08	Điện
94	K155520201076	Lý Thị Phương	Hà	K51ĐĐT.02	CNGHEODT	Điện
95	K155520201083	Hoàng Thị	Huệ	K51ĐĐT.02	HNGHEODT	Điện
96	K155520201153	Dương Thanh	Minh	K51ĐĐT.03	CNHH	Điện
97	K155520201225	Đào Duy	Thanh	K51ĐĐT.04	CNGHEODT	Điện
98	K155520201226	Nguyễn Khắc	Thành	K51ĐĐT.04	CTB-08	Điện
99	K155520201221	Trần Thị	Quế	K51ĐĐT.04	HNGHEODT	Điện
100	K155520216046	Lương Văn	Sơn	K51ĐKT.01	CNGHEODT	Điện
101	K155520216071	Chu Thị	ánh	K51ĐKT.02	CNGHEODT	Điện
102	K155520216116	Dương Trọng	Tấn	K51ĐKT.02	HNGHEODT	Điện
103	K155520216184	Lâm Thị	Thao	K51ĐKT.03	CNGHEODT	Điện
104	K155520216252	Bùi Văn	Thịnh	K51ĐKT.04	CNGHEODT	Điện
105	K155520216222	Chu Văn	Hòa	K51ĐKT.04	MOCOI	Điện
106	K155520216259	Đỗ Văn	Tuân	K51ĐKT.04	MOCOI	Điện
107	K155520216273	Lường Thị	Định	K51ĐKT.05	CNGHEODT	Điện
108	11511442001	Lã Quý Trọng	Đảo	LT14 HTĐ.01	CTB-08	Điện
109	DTK1151030210	Nguyễn Văn	Sáng	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
110	DTK1151030214	Lý Thị	Thanh	K47ĐĐK.02	CNGHEODT	Điện tử
111	DTK1151030201	Nguyễn Thiện	Long	K47ĐĐK.02	MOCOI	Điện tử

112	DTK1151030192	Lù Văn	Hùng	K47ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
113	DTK1151010279	Dương Văn	Chiến	K47CĐT.01	CBB-13	Điện tử
114	DTK1151010423	Hoàng Văn	Tiếp	K47CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
115	DTK1151010326	Hoàng Trọng	Đan	K47CĐT.01	CTB-08	Điện tử
116	DTK1151010314	Phạm Văn	Thịnh	K47CĐT.01	CTB-09	Điện tử
117	DTK1151010663	Nguyễn Thị Quỳnh	Chang	K47CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
118	DTK1151010148	Lê Trung	Sơn	K47CĐT.01	MOCOI	Điện tử
119	DTK1151030060	Hứa Tiến	Đạt	K47KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
120	DTK1151030005	Đặng Văn	Biên	K47KĐT.01	CTB-08	Điện tử
121	DTK1151030141	Hoàng Thị	Liễu	K47KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
122	DTK1151030052	Dương Thanh	Tùng	K47KĐT.01	CTB-08	Điện tử
123	DTK1151030230	Hoàng Văn	Đức	K47KĐT.02	CTB-08	Điện tử
124	DTK1151030004	Phương Văn	Anh	K47KMT.01	HNGHEODT	Điện tử
125	DTK1151020441	Dương Đình	Quang	K48ĐĐK.01	CBB-13	Điện tử
126	K125520216141	Hoàng Văn	Mùi	K48ĐĐK.01	HNGHEODT	Điện tử
127	K125520207011	Hoàng Thị	Hậu	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
128	K125520207048	Dương Văn	Bảo	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
129	K125520207066	Lâm Văn	Hoàn	K48ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
130	K125520207025	Hoàng Văn	Sim	K48ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
131	K125520114028	Nông Văn	Long	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
132	K125520114049	Trình Anh	Tuấn	K48CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
133	K125520114108	Nông Quốc	Vương	K48CĐT.01	CTB-08	Điện tử
134	K125520114007	Sầm Văn	Công	K48CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
135	K125520114032	Nguyễn Thị	Niên	K48CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
136	K125520114063	Triệu Xuân	Anh	K48CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
137	K125520207053	Nguyễn Thị	Cúc	K48KĐT.01	CBB-13	Điện tử
138	K125520207001	Lâm Việt	Đại	K48KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
139	K125520207010	Hoàng Thị	Hảo	K48KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
140	K125520207016	Vi Thị	Huệ	K48KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
141	DTK1151030042	Hoàng Thị	Quỳnh	K48KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
142	DTK1151030012	Mỗ Văn	Dậu	K48KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
143	DTK1151030090	Nông Văn	Lãm	K48KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
144	K125520207059	Nguyễn Thị	Hương	K48KMT.01	CTB-08	Điện tử
145	K135520207007	Nguyễn Đình	Đạm	K49ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
146	K135520207009	Trần Văn	Giang	K49ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
147	K125520207122	Sùng Thị	Xú	K49ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
148	K135520114009	Hoàng Văn	Chuyền	K49CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
149	K135520114048	Nguyễn Thị	Thuyết	K49CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
150	K135520114098	Hà Mạnh	Quân	K49CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử

151	K135520114031	Nguyễn Đình	Kiên	K49CĐT.01	CNHH	Điện tử
152	K135520114079	Lê Văn	Hiếu	K49CĐT.01	CTB-09	Điện tử
153	K135520114042	Từ Văn	Sáng	K49CĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
154	K135520114017	Đàm Văn	Hào	K49CĐT.01	MOCOI	Điện tử
155	K125520207116	Hoàng Thanh	Sơn	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
156	K135520207019	Vi Thị	Hợi	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
157	K135520207069	Lục Thị	Hiền	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
158	K135520207077	Phùng Thị	Miên	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
159	K135520207090	Nông Văn	Thọ	K49KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
160	K135520207005	Triệu Ngọc	Dính	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
161	K135520207073	Bế Thị	Khuyên	K49KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
162	K135520214031	Quách Công	Huy	K49KMT.01	CNGHEODT	Điện tử
163	K135520214007	Đinh Tiến	Mỹ	K49KMT.01	CNHH	Điện tử
164	K135520214013	Nguyễn Anh	Tuấn	K49KMT.01	CTB-08	Điện tử
165	K135520214055	Nguyễn Duy	Thắng	K49KMT.01	CTB-08	Điện tử
166	K135520214005	Nguyễn Văn	Hiếu	K49KMT.01	HNGHEODT	Điện tử
167	K145520114026	Lê Hải	Lâm	K50CĐT.01	CBB-13	Điện tử
168	K145520114061	Lâm Hồng	Thuyên	K50CĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
169	K145520114109	Hoàng Văn	Trường	K50CĐT.02	CTB-08	Điện tử
170	K145520207016	Lăng Thị	Hiển	K50KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
171	K145520207051	Hoàng Thị	Trang	K50KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
172	K145520207121	Đặng Thị ánh	Hồng	K50KĐT.01	CNGHEODT	Điện tử
173	K145520207033	Dương Thị Minh	Tâm	K50KĐT.01	CTB-08	Điện tử
174	K145520207048	Lý Thị	Thùy	K50KĐT.01	CTB-08	Điện tử
175	K145520207004	Nông Thị	Chang	K50KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
176	K145520207078	Trần Văn	Lý	K50KĐT.01	HNGHEODT	Điện tử
177	K155520207003	Hồ Thị Ngọc	ánh	K51ĐTT.01	CNGHEODT	Điện tử
178	K155520207119	Hoàng Thị	Huyền	K51ĐTT.01	CNGHEODT	Điện tử
179	K155520207038	Nguyễn Thị	Nhã	K51ĐTT.01	CNHH	Điện tử
180	K145520207091	Vũ Xuân	Tuân	K51ĐVT.01	CBB-14	Điện tử
181	K145520207151	Chu Thanh	Hiền	K51ĐVT.01	CNGHEODT	Điện tử
182	K145520207106	Lường Thị	Yến	K51ĐVT.01	HNGHEODT	Điện tử
183	K155520114085	Nguyễn Minh	Hiếu	K51CĐT.02	CTB-08	Điện tử
184	K155520114123	Hứa Tiên	Tiến	K51CĐT.02	HNGHEODT	Điện tử
185	K155520214009	Ngô Thành	Tân	K51KMT.01	CTB-08	Điện tử
186	K155520214002	Đinh Văn	Dũng	K51KMT.01	HNGHEODT	Điện tử
187	DTK1151010638	Phạm Minh	Thành	K47CCM.01	CBB-13	Cơ khí
188	DTK1151010647	Nguyễn Thanh	Tuấn	K47CCM.01	CTB-08	Cơ khí
189	DTK1151010304	Vi Văn	Pháo	K47CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí

190	DTK1151010318	La Văn	Tuyến	K47CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
191	DTK1151010541	Trần Xuân	Vinh	K47CCM.02	MOCOI	Cơ khí
192	DTK1151010042	Luân Văn	Thảo	K47CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
193	DTK1151010180	Bế Văn	Hợp	K47CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
194	DTK1151010701	Hoàng Văn	Toản	K47CCM.03	HNGHEODT	Cơ khí
195	DTK1151010410	Đinh Cao	Nguyên	K47CCM.03	CTB-08	Cơ khí
196	DTK1151010376	Nguyễn Anh	Tuấn	K47CCM.03	HNGHEODT	Cơ khí
197	DTK1151010375	Phan Văn	Tuấn	K47CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
198	DTK1151010480	Lâm Văn	Tiến	K47CCM.04	HNGHEODT	Cơ khí
199	DTK1151010696	Đinh Văn	Thiết	K47CCM.05	CNGHEODT	Cơ khí
200	DTK1151010072	Nguyễn Văn	Hải	K47CCM.05	CNHH	Cơ khí
201	DTK1151010350	Hà Văn	Huân	K47KCK.01	CNGHEODT	Cơ khí
202	DTK1151010682	Phạm Văn	Nam	K47KCK.01	CNGHEODT	Cơ khí
203	DTK1151010493	Nguyễn Quốc	Công	K47KCK.01	CTB-08	Cơ khí
204	DTK1151010528	Đinh Văn	Thuyết	K47KCK.01	CTB-09	Cơ khí
205	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	K47KCK.01	HNGHEODT	Cơ khí
206	K125520103181	Triệu Tiến	Dũng	K48CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
207	K125520103224	Nguyễn Anh	Trường	K48CCM.01	CTB-10	Cơ khí
208	K125520103216	Phạm Văn	Thọ	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
209	K125520103236	Lương Văn	Độ	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
210	K125520103303	Hoàng Văn	Quyết	K48CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
211	K125520103401	Lục Văn	Tùng	K48CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
212	K125520103018	Nông Văn	Hồi	K48KCK.01	CBB-13	Cơ khí
213	K125520103425	Ngô Trung	Đức	K48KCK.01	CBB-13	Cơ khí
214	K125520103172	Hoàng Văn	Vũ	K48KCK.01	CNGHEODT	Cơ khí
215	DTK1151010225	Lương Tuấn	Anh	K48KCK.01	CTB-08	Cơ khí
216	DTK1151010245	Lý Trọng	Nguyên	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
217	K125520103366	Liễu Văn	Lộc	K48CLK.01	CNGHEODT	Cơ khí
218	K135520103036	Lò Văn	Mai	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
219	K135520103040	Hoàng Văn	Nam	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
220	K135520103054	Dương Văn	Thắng	K49CCM.01	CNGHEODT	Cơ khí
221	K135520103105	La Văn	Khang	K49CCM.01	HNGHEODT	Cơ khí
222	K135520103187	Lâm Văn	Lực	K49CCM.02	CNGHEODT	Cơ khí
223	K135520103112	Đỗ Tiến	Mạnh	K49CCM.02	CTB-08	Cơ khí
224	K135520103217	Hoàng Anh	Tuấn	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
225	K135520103218	Lương Văn	Tuynh	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
226	K135520103268	Phan Văn	Tạ	K49CCM.03	CNGHEODT	Cơ khí
227	K135520103219	Ma Công	Vương	K49CCM.03	HNGHEODT	Cơ khí
228	K135520103436	Hoàng Ngọc	Tiến	K49CCM.04	CBB-12	Cơ khí

229	K135520103510	Bùi Văn	Thanh	K49CCM.04	CBB-13	Cơ khí
230	K135520103362	Triệu Văn	Việt	K49CCM.04	CNGHEODT	Cơ khí
231	K135520103420	Hoàng Thái	Sơn	K49CCM.04	CTB-09	Cơ khí
232	K135520103003	Lại Văn	Bảo	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
233	K135520103015	Nịnh Văn	Giang	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
234	K135520103060	Lý Ngọc	Tú	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
235	K135520103445	Triệu Tuấn	Vũ	K49KTK.01	CNGHEODT	Cơ khí
236	K135520103229	Nguyễn Thanh	Duy	K49KTK.01	CTB-08	Cơ khí
237	K135520103113	Nông Văn	Năng	K49KTK.01	HNGHEODT	Cơ khí
238	K135520103152	Hứa Văn	Ba	K49KTK.01	HNGHEODT	Cơ khí
239	K125520103167	Lục Quảng	Trường	K49KGT.01	HNGHEODT	Cơ khí
240	K135520103399	Nguyễn Mạnh	Huy	K49KGT.01	CTB-08	Cơ khí
241	K145520309007	Lộc Văn	Quỳnh	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
242	K145520309016	Nịnh Văn	Bính	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
243	K145520309017	Nguyễn Thành	Đăng	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
244	K145520309040	Triệu Văn	Bính	K50CVL.01	CNGHEODT	Cơ khí
245	K145520309022	Lâm Văn	Duy	K50CVL.01	HNGHEODT	Cơ khí
246	K145520103024	Lê Đình	Hoàng	K50KC.01	CBB-12	Cơ khí
247	K145520103077	Nguyễn Văn	Vĩnh	K50KC.01	CBB-13	Cơ khí
248	K145520103005	Hoàng Tuấn	Anh	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
249	K145520103061	Lục Văn	Tuấn	K50KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
250	K145520103037	Lâm Văn	Mai	K50KC.01	HNGHEODT	Cơ khí
251	K145520103151	Vũ Đình	Việt	K50KC.02	CTB-08	Cơ khí
252	K145520103309	Đàm Văn	Hưng	K50KC.03	CNGHEODT	Cơ khí
253	K145520103371	Nguyễn Văn	Phán	K50KC.05	CNHH	Cơ khí
254	K145520103375	Vi Văn	Tặng	K50KC.05	HNGHEODT	Cơ khí
255	K155520103048	Hà Văn	Quang	K51KC.01	CNGHEODT	Cơ khí
256	K155520103108	Phó Đình	Long	K51KC.02	CNGHEODT	Cơ khí
257	K155520103130	Hoàng Văn	Toàn	K51KC.02	CNGHEODT	Cơ khí
258	K155520103138	Bùi Văn	Tùng	K51KC.02	CNGHEODT	Cơ khí
259	K155520103210	Nguyễn Đức	Tuyên	K51KC.03	CTB-08	Cơ khí
260	K155520103185	Hoàng Văn	Pao	K51KC.03	HNGHEODT	Cơ khí
261	K155520103199	Triệu Văn	Thực	K51KC.03	HNGHEODT	Cơ khí
262	K155520103220	Lục Thành	Đại	K51KC.04	HNGHEODT	Cơ khí
263	K155520103318	Phạm Văn	Tú	K51KC.05	CNGHEODT	Cơ khí
264	K155520103294	Nguyễn Thành	Đạt	K51KC.05	CTB-08	Cơ khí
265	K155520103310	Nông Thị	Tâm	K51KC.05	HNGHEODT	Cơ khí
266	DTK1151010098	Hồ Văn	Tùng	K1 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
267	K125520103094	Đặng Anh	Quân	K1 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL

268	K145510205018	Nguyễn Thành	Chung	K2 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
269	K145510205042	Đỗ Văn	Phi	K2 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
270	K145510205055	Nông Minh	Thượng	K2 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
271	K145510205079	Lương Trung	Hoàng	K2 CN-KTO.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
272	K145510205003	Lê Khắc	Đại	K2 CN-KTO.01	CTB-08	KT Ôtô & MĐL
273	K145510205031	Sầm Văn	Lương	K2 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
274	K145510205052	Lò Văn	Tính	K2 CN-KTO.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
275	DTK1151010010	Phan Tuấn	Cường	K47CĐL.01	CNHH	KT Ôtô & MĐL
276	DTK1151010021	Bùi Văn	Hùng	K47CĐL.01	CTB-09	KT Ôtô & MĐL
277	DTK1151010486	Khúc Ngọc	Vượng	K47CĐL.01	CBB-13	KT Ôtô & MĐL
278	DTK1151010600	Bùi Văn	An	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
279	K125520103162	Vi Văn	Thịnh	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
280	K125520103203	Lương Văn	Mai	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
281	DTK1151010258	Hoàng Văn	Thuận	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
282	K125520103013	Bàng Trung	Đức	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
283	K125520103056	Vương Văn	Vượng	K48CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
284	K125520103211	Hà Minh	Sơn	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
285	K125520103198	Phạm Quang	Huy	K48CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
286	K135520103287	Trương Anh	Tuấn	K49CĐL.01	CBB-12	KT Ôtô & MĐL
287	K135520103267	Hoàng Ngọc	Sơn	K49CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
288	K135520103188	Nguyễn Văn	Lực	K49CĐL.01	CTB-08	KT Ôtô & MĐL
289	K125520103337	Tống Văn	Đông	K49CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
290	K135520103118	Lao Văn	Nguyên	K49CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
291	K145520103209	Lý Văn	Tú	K50CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
292	K145905228012	Hoàng Minh	Thắng	K50CĐL.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
293	K145520103307	Đỗ Xuân	Trưởng	K50CĐL.01	CTB-08	KT Ôtô & MĐL
294	K145520103272	Viên Văn	Nhượng	K50CĐL.01	HNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
295	K155510205007	Nông Mạnh	Cường	K51CN- KTO.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
296	K155510205034	Phùng Đức	Mạnh	K51CN- KTO.01	CNGHEODT	KT Ôtô & MĐL
297	K155510205040	Dương Ngọc	Nguyên	K51CN- KTO.01	CTB-10	KT Ôtô & MĐL
298	DTK1151020043	Hoàng Văn	Thịnh	K47AP.I	CNGHEODT	Quốc tế
299	K125520201116	Lăng Ngọc	Thành	K48AP.I	CNGHEODT	Quốc tế
300	K145905218006	Đàm Xuân	Duy	K50AP.M	CNGHEODT	Quốc tế
301	K145520320005	Lê Mỹ	Anh	K50AP.I	CTB-08	Quốc tế
302	K145520114070	Đặng Quốc	Cường	K50AP.I	HNGHEODT	Quốc tế
303	DTK1151040124	Vàng Văn	Trường	K1 CN-ĐĐT.02	HNGHEODT	Sư phạm KT
304	DTK1151020292	Nguyễn Đức	Đích	K1 CN-ĐĐT.03	CNHH	Sư phạm KT
305	DTK1151030106	Bùi Văn	Thoại	K1 CN-ĐĐT.03	HNGHEODT	Sư phạm KT
306	K145510301035	Đào Đức	Công	K2 CN-ĐĐT.01	CNHH	Sư phạm KT

307	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	K2 CN-ĐĐT.02	CNGHEODT	Sư phạm KT
308	K145510301094	Nông Ngọc	Huy	K2 CN-ĐĐT.02	CNGHEODT	Sư phạm KT
309	K145510301095	Trần Văn	Huynh	K2 CN-ĐĐT.02	CNGHEODT	Sư phạm KT
310	K145510301102	Nông Ngọc	Quyến	K2 CN-ĐĐT.02	HNGHEODT	Sư phạm KT
311	K155510301024	Lăng Trung	Kiên	K51CN-ĐĐT.01	HNGHEODT	Sư phạm KT
312	K155510202009	Hoàng Hải	Phong	K51CN-CTM.01	MOCOI	Sư phạm KT
313	DTK1151040050	Nguyễn Thị	Thảo	K47KXC.01	CBB-13	Xây dựng và MT
314	DTK1151040006	Lê Chí	Cương	K47KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
315	11411110401	Nguyễn Văn	Soái	K47KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
316	DTK1151040012	Phan Văn	Dũng	K47KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
317	DTK1151040105	Nguyễn Tuấn	Sơn	K47KXC.02	CBB-13	Xây dựng và MT
318	DTK1151040112	Hoàng Văn	Thoan	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
319	DTK1151040114	Bùi Văn	Tiêu	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
320	DTK1151040117	Lương Thanh	Tiến	K47KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
321	DTK1151040094	Trần Xuân	Lộc	K47KXC.02	CTB-08	Xây dựng và MT
322	DTK1151040098	Quân Thanh	Minh	K47KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
323	DTK1151040148	Phùng Ngọc	Luân	K47KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
324	K125520320063	Lê Thị	Yến	K48KTM.01	CBB-13	Xây dựng và MT
325	K125520320055	Nguyễn Thiên	Thu	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
326	K125520320060	Lương Minh	Trang	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
327	K125520320064	Đinh Thị	Yến	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
328	K125520320070	Hoàng Minh	Chiến	K48KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
329	K125520320048	Phạm Thị	Thương	K48KTM.01	CNHH	Xây dựng và MT
330	K125520320029	Nguyễn Tô	Hoàng	K48KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
331	K125580201077	Phạm Anh	Vũ	K48KXC.01	CBB-13	Xây dựng và MT
332	K125580201032	Quách Hoàng	Long	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
333	K125580201067	Từ Xuân	Trường	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
334	K125580201106	Ma Quốc	Hưng	K48KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
335	K125580201008	Triệu Xuân	Dũng	K48KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
336	K125580201027	Mông Quang	Huy	K48KXC.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
337	K125580201148	Lê Thanh	Tùng	K48KXC.02	CBB-13	Xây dựng và MT
338	DTK1151040065	Nguyễn Mạnh	Công	K48KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
339	DTK1151040072	Tần Văn	Dũng	K48KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
340	K125580201167	Dương Văn	Hà	K48KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
341	DTK1151040129	Nguyễn Mạnh	Cường	K48KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
342	K125580201114	Nguyễn Khắc	Lộc	K48KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
343	K125580205010	Phạm Văn	Lân	K48KXG.01	CBB-13	Xây dựng và MT
344	K125580205033	Hứa Quang	Thảo	K48KXG.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
345	K125580205019	Lê Tuấn	Anh	K48KXG.01	CTB-10	Xây dựng và MT

346	K125580205012	Bàn Hữu	Quốc	K48KXG.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
347	K135520320024	Ma Văn	Hợi	K49KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
348	K135520320035	Nguyễn Thị	Huyền	K49KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
349	K135520320014	Nguyễn Thị	Giang	K49KTM.01	CTB-08	Xây dựng và MT
350	K135520320037	Giàng Seo	Lâu	K49KTM.01	HNGHEODT	Xây dựng và MT
351	K135520103082	Lê Văn	Duy	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
352	K135580201011	Nguyễn Đình	Đắc	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
353	K135580201037	Lô Văn	Tâm	K49KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
354	K135580201056	Trần Văn	Bảo	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
355	K135580201063	Hoàng Thanh	Duy	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
356	K135580201065	Triệu Đình	Đề	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
357	K135580201098	Ma Văn	Tuân	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
358	K135580201160	Đào Thị	Thư	K49KXC.02	CNGHEODT	Xây dựng và MT
359	K135580201078	Nguyễn Văn	Khánh	K49KXC.02	CTB-08	Xây dựng và MT
360	K135580201161	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	K49KXC.02	CTB-08	Xây dựng và MT
361	K135580201081	Phạm Đức	Luận	K49KXC.02	HNGHEODT	Xây dựng và MT
362	K145520320006	Lường Thị	Anh	K50KTM.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
363	K145520320004	Hoàng Cao	An	K50KTM.01	CTB-08	Xây dựng và MT
364	K145905218001	Ma Công	An	K50KXC.01	CNGHEODT	Xây dựng và MT
365	K145580201018	Lê Duy	Hoài	K50KXC.01	CTB-08	Xây dựng và MT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Khoa
1	K125510604057	Chu Thị	Hòa	K48KTN.01	CTB-08	Kinh tế CN
2	K125510604026	Nguyễn Thị Nhã	Phương	K48KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
3	K125510604027	Phạm Thị	Quyên	K48KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
4	K125510604050	La Kim	Oanh	K48KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
5	K135510604022	Lý Thu	Huyền	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế CN
6	K135510604045	Nguyễn Thị Tố	Uyên	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế CN
7	K135510604075	Vi Thị	Linh	K49KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế CN
8	K135510604008	Phạm Thị	Hằng	K49KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
9	K135510604140	Hà Thị	Nở	K49KTN.02	HNGHEODT	Kinh tế CN
10	K135510604015	Hoàng Thị	Hiền	K49QTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
11	K135510604089	Lăng Thu	Thảo	K49QTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
12	K145510601037	Nông Thị	Hường	K50QLC.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
13	K145510604059	Lăng Thị	Mơ	K50KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
14	K155510604030	Đoàn Thu	Trang	K51KTN.01	CNGHEODT	Kinh tế CN
15	K155510604028	Hà Quyết	Thức	K51KTN.01	CTB-08	Kinh tế CN
16	KT11511575004	Vũ Thị Vân	Anh	LTKT15KTN.01	CBB-13	Kinh tế CN

17	KT11511575009	Ngôn Văn	Doanh	LTKT15KTN.01	CBB-13	Kinh tế CN
18	KT11511575048	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	LTKT15KTN.01	CBB-13	Kinh tế CN
19	KT11511575012	Ma Thị	Duyên	LTKT15KTN.01	HNGHEODT	Kinh tế CN
20	KT11511575103	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	LTKT15KTN.02	CBB-13	Kinh tế CN
21	KT11511575126	Phạm Quyết	Tiến	LTKT15KTN.02	CTB-08	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 365 sinh viên khối kỹ thuật và 21 sinh viên khối kinh tế.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Trần Xuân Minh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2015 - 2016

(Kèm theo QĐ số: 29/QĐ -ĐHKTCN ngày 5 tháng 4 năm 2016)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Khoa
1	K125520216036	Lê Trung	Lâm	K48TĐH.01	TNLĐ	Điện
2	K125520216026	Trương Thái	Hoàng	K48TĐH.02	BNN	Điện
3	K125520216049	Phạm Thành	Nam	K48TĐH.03	BNN	Điện
4	K135520216025	Nguyễn Việt	Hoàng	K49TĐH.01	BNN	Điện
5	K135520216130	Nguyễn Tùng	Dương	K49TĐH.03	BNN	Điện
6	K135520216122	Đỗ Việt	Anh	K49TĐH.03	TNLĐ	Điện
7	K145520201027	Nguyễn Trung	Hiếu	K50KTĐ.01	BNN	Điện
8	K145520216122	Mạc Anh	Tuấn	K50TĐH.02	BNN	Điện
9	K155520201071	Hoàng Minh	Đức	K51ĐĐT.02	TNLĐ	Điện
10	K155520216221	Phạm Minh	Hiếu	K51ĐKT.04	BNN	Điện
11	DTK1151030035	Vũ Tiến	Mạnh	K47ĐVT.01	TNLĐ	Điện tử
12	DTK1151030091	Nguyễn Như	Lai	K47KĐT.01	TNLĐ	Điện tử
13	K125520114016	Phạm Duy	Hùng	K48CĐT.01	TNLĐ	Điện tử
14	K125520114020	Nguyễn Trung	Hiếu	K48CĐT.01	TNLĐ	Điện tử
15	K145520216036	Phạm Quang	Mạnh	K50ĐĐK.01	TNLĐ	Điện tử
16	K145520207107	Trịnh Đức	Anh	K50KĐT.01	TNLĐ	Điện tử
17	K155520207071	Phạm Khánh	Dương	K51ĐTT.02	BNN	Điện tử
18	K155520207103	Trần Ngọc	Sơn	K51ĐTT.02	BNN	Điện tử
19	K145520207014	Dương Hồng	Hạnh	K51ĐVT.01	BNN	Điện tử
20	DTK1151010142	Trần Văn	Phương	K47CCM.02	TNLĐ	Cơ khí
21	DTK1151010714	Nguyễn Đình	Mạnh	K47KCK.01	TNLĐ	Cơ khí
22	K125520103210	Nguyễn Quốc	Quyền	K48CCM.02	TNLĐ	Cơ khí
23	DTK1151010237	Nguyễn Duy	Hưng	K48KCK.01	BNN	Cơ khí
24	K135520103234	Bùi Minh	Đức	K49CCM.03	BNN	Cơ khí
25	K135520103480	Nguyễn	Khánh	K49CCM.04	BNN	Cơ khí
26	K145520103053	Nguyễn Bảo	Tùng	K50KC.01	BNN	Cơ khí
27	K145520103157	Ngô Việt	Anh	K50KC.03	TNLĐ	Cơ khí
28	K155520103042	Thái Phương	Nam	K51KC.01	TNLĐ	Cơ khí
29	DTK1151010337	Đồng Đức	Dương	K47AP.M	BNN	Quốc tế
30	DTK1151010568	Nguyễn Hoàng	Long	K47AP.M	BNN	Quốc tế
31	K155905218007	Lê Thị Thu	Hiền	K51AP.M	TNLĐ	Quốc tế
32	K145510202027	Nguyễn Thế	Anh	K2 CN-CTM.01	TNLĐ	Sư phạm KT

33	DTK1151040170	Dương Bảo	Tú	K47KXC.01	TNLĐ	Xây dựng và MT
34	K125580201033	Đoàn Ngọc	Long	K48KXC.01	BNN	Xây dựng và MT
35	K135520320016	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	K49KTM.01	BNN	Xây dựng và MT
36	K135580201003	Nguyễn Quỳnh	Anh	K49KXC.01	BNN	Xây dựng và MT
37	K145520320024	Hà Thị Thu	Hường	K50KTM.01	TNLĐ	Xây dựng và MT
38	K145520320104	Nguyễn Tiến	Thuận	K50KTM.01	TNLĐ	Xây dựng và MT

II. Khối ngành kinh tế

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Khoa
1	K125510601049	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	K48QLC.01	TNLĐ	Kinh tế CN
2	K135510604091	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K49KTN.01	TNLĐ	Kinh tế CN
3	KT11511575017	Vũ Thị Hồng	Hạnh	LTKT15KTN.01	TNLĐ	Kinh tế CN
4	KT11511575109	Lương Khánh	Linh	LTKT15KTN.02	TNLĐ	Kinh tế CN

Ấn định danh sách : 38 sinh viên khối kỹ thuật và 4 sinh viên khối kinh tế.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

PGS.TS. Trần Xuân Minh

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ

HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2015 - 2016

(Kèm theo QĐ số: 29/QĐ -ĐHKTCN ngày 5 tháng 4 năm 2016)

I. Khối ngành kỹ thuật

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Khoa
1	K135520201202	Triệu Quang	Dũng	K49HTĐ.01	DT-ĐBKK	Điện
2	K135520201026	Lưu Thị	Hường	K49KTĐ.01	DT-ĐBKK	Điện
3	K135520201160	Nguyễn Thị	Ly	K49KTĐ.02	DT-ĐBKK	Điện
4	K135520201182	Nông Thị	Thoa	K49KTĐ.02	DT-ĐBKK	Điện
5	K135520201207	Ngô Văn	Đức	K49KTĐ.02	DT-ĐBKK	Điện
6	K135520201247	Nguyễn Văn	Toàn	K49KTĐ.03	DT-ĐBKK	Điện
7	K135520216109	La Thu	Thủy	K49TĐH.03	DT-ĐBKK	Điện
8	K135520216165	Diệp Văn	Sinh	K49TĐH.03	DT-ĐBKK	Điện
9	K145520201004	Hoàng Văn	Điệp	K50KTĐ.01	DT-ĐBKK	Điện
10	K155520201140	Đinh Văn	Hòa	K51ĐĐT.03	DT-ĐBKK	Điện
11	K155520201166	Ma Xuân	Thành	K51ĐĐT.03	DT-ĐBKK	Điện
12	K155520216207	Phạm Quốc	Cường	K51ĐKT.04	DT-ĐBKK	Điện
13	K155520216298	Lường Văn	Thùy	K51ĐKT.05	DT-ĐBKK	Điện
14	K155520216299	Nông Văn	Tiến	K51ĐKT.05	DT-ĐBKK	Điện
15	DTK1151030166	Trịnh Thanh	Tuấn	K47KĐT.02	DT-ĐBKK	Điện tử
16	K155520207045	Đinh Văn	Tân	K51ĐTT.01	DT-ĐBKK	Điện tử
17	K155520207117	Trần Tuấn	Vũ	K51ĐTT.02	DT-ĐBKK	Điện tử
18	K135520103209	Lý Thanh	Tùng	K49CCM.03	DT-ĐBKK	Cơ khí
19	K145520103050	Nguyễn Thanh	Sơn	K50KC.01	DT-ĐBKK	Cơ khí
20	K125520103339	Vy Văn	Đường	K48CĐL.01	DT-ĐBKK	Kỹ thuật Ôtô & MĐL
21	K155905218020	Ma Thế	Sơn	K51AP.M	DT-ĐBKK	Quốc tế
22	K145510301076	Nông Quang	Dự	K2 CN-ĐĐT.02	DT-ĐBKK	Sư phạm KT
23	K125520320032	Lù Văn	Khưởng	K48KTM.01	DT-ĐBKK	Xây dựng và MT
24	K125580201056	Dương Văn	Thiện	K48KXC.01	DT-ĐBKK	Xây dựng và MT
25	K125580201057	Hoàng Văn	Thiệp	K48KXC.01	DT-ĐBKK	Xây dựng và MT
26	K125580201081	Nguyễn Văn	Dũng	K48KXC.01	DT-ĐBKK	Xây dựng và MT

Ấn định danh sách : 26 sinh viên khối kỹ thuật.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

PGS.TS. Trần Xuân Minh